SỞ Y TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN LÊ VĂN THỊNH

Số: 334 /BV-VTTBYT
Về việc mời báo giá gói thầu: Mua sắm vật tư y tế tiêu hao của Bệnh viện Lê Văn Thịnh năm 2024-2025.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Tp. Thủ Đức, ngày 30 tháng 5 năm 2024

Kính gửi: Quý Doanh nghiệp kinh doanh vật tư y tế.

Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 06 năm 2023 ;

Căn cứ Nghị quyết 30/NQ-CP ngày 04/03/2023 của Chính Phủ về việc tiếp tục thực hiện các giải pháp bảo đảm thuốc, trang thiết bị y tế;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc quy định chi tiết việc sử dụng vốn Nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan Nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 68/2022/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 3 năm 2016 quy định chi tiết việc sử dụng vốn Nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan Nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư 06/2024/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 04 năm 2024 của Bộ Kế Hoạch và Đầu Tư về việc hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ quyết định 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 của Bộ Y tế về ban hành danh mục dùng chung mã hãng sản xuất vật tư y tế đợt 1 và nguyên tắc mã hóa vật tư y tế phục vụ quản lý và giám định, thanh toán chi phí khám bệnh chữa bệnh bảo hiểm y tế;

Bệnh viện Lê Văn Thịnh có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá, tính năng kỹ thuật gói thầu làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: Mua sắm vật tư y tế tiêu hao của Bệnh viện Lê Văn Thịnh năm 2024-2025 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. 1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Lê Văn Thịnh

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Phòng Vật Tư Trang Thiết Bị Y tế - Bệnh viện Lê Văn Thịnh.

Địa chỉ: 130 Lê Văn Thịnh, Phường Bình Trưng Tây, TP. Thủ Đức, TP.Hồ Chí Minh

SĐT: (028). 5432.7888 *Email: vtyt.bvlvt@gmail.com*

3. Cách thức tiếp nhận báo giá

Ghi rõ cách tiếp nhận báo giá theo một trong các cách thức sau:

- Nhận trực tiếp tại: Phòng Vật Tư Trang Thiết Bị Y tế - Bệnh viện Lê Văn Thịnh

Địa chỉ: 130 Lê Văn Thịnh, Phường Bình Trưng Tây, TP.Thủ Đức, TPHCM

- Nhận qua email: vtyt.bvlvt@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 09 giờ 00 phút ngày 30 tháng 05 năm 2024 đến trước 17 giờ 00 phút ngày 12 tháng 06 năm 2024

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 12 tháng 06 năm 2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục vật tư y tế (hàng hóa): *theo file đính kèm*

2. Địa điểm cung cấp hàng hóa: Phòng Vật tư trang thiết bị y tế Bệnh viện Lê Văn Thịnh – 130 Lê Văn Thịnh, Phường Binh Trưng Tây, TP.Thủ Đức, TP.Hồ Chí Minh .

3. Thời gian giao hàng dự kiến: 24 giờ tính từ khi nhà thầu nhận được đơn đặt hàng của Bệnh viện.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Thanh toán 100% giá trị của hóa đơn bằng hình thức chuyển khoản trong vòng 90 ngày kể từ khi Công ty cung cấp đầy đủ chứng từ hợp lệ.

5. Các thông tin khác (nếu có): Không.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, VTTBYT (H, b).

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN LÊ VĂN THỊNH

Trần Văn Khanh

SỞ Y TẾ TP. HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN LÊ VĂN THỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

PHỤ LỤC DANH MỤC HÀNG HÓA

(Đính kèm theo Công văn mời báo giá số: 334 /BVLVT-VTTBYT ngày 30 tháng 5 năm 2024)

STT	Nhóm, loại vật tư y tế	Đơn vị	Khối lượng mời chào giá	Ghi chú
I	**Vật tư Bông, băng, gòn, gạc, khăn áo, mũ phẫu thuật, khẩu trang, găng tay, dung dịch sát khuẩn.**			
1	Bông gòn viên	Kg	500	
2	Bông gòn viên 2x2 tiệt trùng (gói 500 gr)	Kg	300	
3	Bông mỡ không thấm nước	Kg	500	
4	Bông hút nước	Kg	500	
5	Bông băng mắt tiệt trùng 5x7 cm	Gói	2,000	
6	Bông gạc tẩm cồn Alcohol pad 5*6cm	Miếng	550,000	
7	Bông gạc tẩm cồn alcohol pad 8*10cm	Miếng	300,000	
8	Băng keo cá nhân	Miếng	300,000	
9	Băng keo cá nhân 2cm x 6cm	Miếng	500,000	
10	Băng keo trong y tế	Miếng	1,000	
11	Băng keo lụa 2,5 cm x 9,1 m	Cuộn	50,000	
12	Băng keo lụa 2,5 cm x 5m	Cuộn	10,000	
13	Băng keo giấy 2,5 cm x 9,1m	Cuộn	5,000	
14	Băng keo nhựa 2,5 cm x 9,1 m	Cuộn	1,000	
15	Băng vô trùng trong suốt không thấm nước 6 x 7 (cm)	Miếng	15,000	
16	Băng vô trùng trong suốt không thấm nước 53 x 80 (mm)/50's	Miếng	3,000	
17	Băng vô trùng trong suốt không thấm nước 10 x 12 (cm)	Miếng	5,000	
18	Băng vô trùng trong suốt không thấm nước 120 mm x 90mm	Miếng	3,000	
19	Băng y tế vô trùng trong suốt có gel chlohexidine	Miếng	5,000	
20	Băng phim dính y tế	Miếng	5,000	
21	Băng keo lụa 2,5cm x 5m (không hộp)	Miếng	30,000	
22	Băng dán có gạc vô trùng 200mm x 90mm	Miếng	500	
23	Băng dán có gạc vô trùng 150mm x 90mm	Miếng	1,000	
24	Băng dán có gạc vô trùng 50mm x 70mm	Miếng	11,000	
25	Băng dán có gạc vô trùng 53mm x 70mm	Miếng	1,000	
26	Băng dán cuộn co giản 10cm x 10m	Cuộn	10,000	
27	Băng thun 3 móc 10cm x 4.5m	Cuộn	10,000	
28	Băng thun 2 móc 7.5cm x 4.5m	Cuộn	5,000	
29	Băng keo thun co giãn 10cm x 4.5m	Cuộn	200	
30	Băng gạc mỡ chống dính 10CMX12CM	Cuộn	200	
31	Băng thun co giãn 2 móc (7,5cm x 3m)	Cuộn	4,000	

32	Băng thun 2 móc (7,5cm x 4,5m)	Cuộn	500	
33	Băng thun co giãn 3 móc (7,5cm x 4,5m)	Cuộn	2,500	
34	Băng thun 3 móc (10cm x 4,5m)	Cuộn	500	
35	Miếng dán có CHG 45mg, kích thước 10 x 12 (cm)	Miếng	100	
36	Màng phẫu thuật y tế tẩm iod vô trùng 40x45cm	Miếng	500	
37	Băng keo có gạc vô trùng 6 x 8 (cm)	Miếng	200	
38	Băng keo có gạc vô trùng 70mm	Miếng	200	
39	Băng keo có gạc vô trùng 9 x 15 (cm)	Miếng	100	
40	Băng keo có gạc vô trùng 150 x 90 (mm)	Miếng	500	
41	Băng keo có gạc vô trùng 9cm x 20cm	Miếng	2,000	
42	Băng thun cotton có keo 7,5cm x 4,5m	Cuộn	10	
43	Băng thun cotton có keo 10cm x 4,5m	Cuộn	100	
44	Băng thun cotton có keo 8cm x 4,5m	Cuộn	100	
45	Băng keo y tế từ (5-7,5cm) x 5m	Cuộn	100	
46	Băng dán cuộn 10cm x 10m	Cuộn	1,000	
47	Băng gạc cuộn	Cuộn	7,000	
48	Băng cuộn vải (0,07m x 2,5m)	Cuộn	8,000	
49	Băng bó bột (10cm x 350cm)	Cuộn	5,000	
50	Băng bó bột (15cm x 350cm)	Cuộn	5,000	
51	Băng bó bột (20cm x 350cm)	Cuộn	3,000	
52	Băng bó bột sợi thủy tinh (7,5cm x 3,6m)	Cuộn	3,000	
53	Băng bó bột sợi thủy tinh (10cm x 3,6m)	Cuộn	3,000	
54	Băng bó bột sợi thủy tinh (12,5cm x 3,6m)	Cuộn	3,000	
55	Gạc meche 3,5cm x 75cm x 8 lớp, cản quang tiệt trùng	Cái	10,000	
56	Gạc 10cm x 10cm x 8 lớp tiệt trùng	Miếng	950,000	
57	Gạc 30cm x 40cm x 6 lớp tiệt trùng, có cản quang	Cái	100,000	
58	Gạc dẫn lưu tai mũi họng	Cái	2,000	
59	Gạc ép sọ não 1x8x4 lớp	Cái	10,000	
60	Gạc ép sọ não 2x8x4 lớp	Cái	10,000	
61	Gạc dẫn lưu nội soi 3,5X20X8 lớp	Cái	10,000	
62	Gạc tai mũi họng 1X200x4 lớp	Cái	20,000	
63	Khẩu trang y tế	Cái	300,000	
64	Khẩu trang y tế 3 lớp tiệt trùng	Cái	200,000	
65	Găng tay dài sản khoa tiệt trùng các cỡ	Đôi	50,000	
66	Găng tay khám (các cỡ)	Đôi	300,000	
67	Găng tay khám cao su không bột	Đôi	1,000,000	
68	Găng tay khám cao su có bột	Đôi	1,000,000	
69	Găng tay PE vô khuẩn	Đôi	300,000	
70	Mũ phẫu thuật tiệt trùng	Cái	100,000	
71	Áo phẫu thuật các cỡ	Cái	1,000	
72	Bộ khăn tổng quát	Bộ	100	
73	Bộ khăn chỉnh hình tổng quát	Bộ	500	

74	Bộ khăn phẫu thuật nội soi khớp vai	Bộ	50	
75	Bộ khăn nội soi khớp gối	Bộ	1,000	
76	Khăn trải mổ 60x80cm	Cái	5,000	
77	Săng mổ 60cm x 80cm (VKD, có lỗ, TT)	Cái	20,000	
78	Săng mổ tiệt trùng 60cm x 80cm không lỗ	Cái	1,000	
79	Bộ khăn sinh thường	Bộ	500	
80	Bộ khăn sinh mổ	Bộ	200	
81	Bộ khăn phẫu thuật sọ não	Bộ	100	
82	Bộ khăn nội soi ổ bụng	Bộ	50	
83	Khăn phẫu thuật mắt Phaco	Bộ	200	
84	Khăn tai mũi họng mổ xoang	Bộ	100	
II	**Vật tư Bơm tiêm; kim tiêm; dây truyền; ống thông và tiêu hóa và vật tư nha khoa, nội soi**			
85	Bơm tiêm 1ml	Cái	200,000	
86	Bơm tiêm 3 ml	Cái	500,000	
87	Bơm tiêm 5 ml	Cái	500,000	
88	Bơm tiêm 10 ml	Cái	500,000	
89	Bơm tiêm 20 ml	Cái	200,000	
90	Bơm tiêm 50 ml (đầu nhỏ)	Cái	50,000	
91	Bơm cho ăn 50ml	Cái	50,000	
92	Bơm tiêm insulin 1ml	Cái	360,000	
93	Kim tiêm các số (100 cái/hộp)	Hộp	500,000	
94	Kim luồn tĩnh mạch 18G	Cây	50,000	
95	Kim luồn tĩnh mạch 20G	Cây	100,000	
96	Kim luồn tĩnh mạch 22G	Cây	500,000	
97	Kim luồn tĩnh mạch 24G	Cây	50,000	
98	Kim luồn tĩnh mạch có cánh không cổng 24G	Cây	50,000	
99	Kim luồn tĩnh mạch có cánh không cổng 26G	Cây	2,000	
100	Kim chích lấy máu	Cây	20,000	
101	Kim châm cứu các cỡ	Cây	100,000	
102	Kim đẩy chỉ	Cây	500	
103	Kim chọc dò tủy sống các cỡ	Cái	5,000	
104	Đầu nối an toàn không kim, thể tích đuổi khí 0,11 ml	Cái	100	
105	Bộ dây nối đường truyền tĩnh mạch 15 cm, 1 đầu nối an toàn không kim, thể tích đuổi khí 0,2ml	Cái	100	
106	Bộ dây nối đường truyền tĩnh mạch 24cm, 2 đầu nối an toàn không kim thể tích đuổi khí 0,4ml	Cái	100	
107	Điện cực tim người lớn	Cái	100,000	
108	Điện cực dán đo dẫn truyền dài 0,8m, diện tích ghi 0,54mm^2	Cái	1,000	
109	Điện cực đất loại dán loại AG/AGCL; dài 1m; kích thước 40x50mm	Cái	1,000	
110	Nắp đậy kim luồn có cổng tiêm	Cái	20,000	
111	Que thử đường huyết + kim	Que	100,000	

112	Ống, dẩy hút đàm (dịch) có kiểm soát	Cái	30,000	
113	Đầu nối ba nhánh, dây dài 50cm	Cái	10,000	
114	Dây nối ba nhánh, dây dài 25cm	Cái	5,000	
115	Khóa 3 chạc có dây các cỡ	Cái	5,000	
116	Khóa 3 chạc không dây các cỡ	Cái	5,000	
117	Khóa đi kèm dây dẫn 3 nhánh	Cái	2,000	
118	Dây nối bơm tiêm điện 150cm	Sợi	10,000	
119	Dây nối bơm tiêm điện 140cm	Cái	10,000	
120	Dây truyền dịch	Cái	200,000	
121	Bộ dây truyền dịch an toàn	Bộ	50,000	
122	Dây truyền máu	Sợi	5,000	
123	Dây oxy người lớn	Cái	50,000	
124	Dây oxy trẻ em	Cái	20,000	
125	Dây oxy sơ sinh	Cái	1,000	
126	Dây hút dịch phẫu thuật tiệt trùng	Cái	10,000	
127	Dây máy thở hai bẫy nước	Cái	5,000	
128	Dây máy gây mê co giãn	Cái	20,000	
129	Bộ dây hút dịch MPV 14Fr có nắp đậy	Cái	50,000	
130	Mask oxy các cỡ	Cái	20,000	
131	Mask xông khú dung các cỡ	Cái	30,000	
132	Túi nước tiểu có khóa có dây kéo	Cái	10,000	
133	Mỏ vịt	Cái	10,000	
134	Túi đựng bệnh phẩm nội soi	Cái	5,000	
135	Trocar nhựa trong xâm nhập thành bụng 5mm, loại đầu trong, chiều dài 100mm, có vân cố định	Cái	10,000	
136	Lưới thoát vị bẹn nhẹ, đơn sợi Parietene chất liệu Polypropylene, kích thước 6x11 cm	Miếng	150	
137	Lưới điều trị thoát vị bẹn Polypropylene kích thước 7.5x15cm	Miếng	200	
138	Keo dán da sinh học	Miếng	200	
139	Lọc khuẩn đo chức năng hô hấp dùng cho máy KoKo	Cái	5,000	
140	Phin lọc khuẩn 3 chức năng	Cái	5,000	
141	Tay dao đốt hai nút bấm dùng 1 lần sử dụng cho máy đốt điện	Cái	5,000	
142	Bao cao su	Cái	50,000	
143	Hộp giấy đựng vật sắc nhọn để hủy	Cái	500	
144	Airway(Chắn lưỡi)các số	Cái	3,000	
145	Mask gây mê có vòng đệm silicon các số	Cái	500	
146	Bộ dẫn truyền cảm ứng 01 đường	Cái	500	
147	Catheter động mạch quay các cỡ	Cái	500	
148	Catheter TMTT 3 đường 7Fr x 15cm; 7Fr x 20cm	Cái	300	
149	Catheter động mạch đùi careflow 37Fr -4Fr x 20 cm các cỡ	Cái	100	
150	Bộ catheter có hầm đúng trong lọc thận dài hạn	Cái	500	
151	Bộ cảm biến đo huyết áp xâm lấn (Tranducer)	Bộ	500	

152	Catheter động mạch quay	Bộ	200	
153	Ống đặt nội khí quản không bóng các số	Cái	500	
154	Ống đặt nội khí quản có bóng các số	Cái	5,000	
155	Ống đặt nội khí quản có bóng có lò xo các số	Cái	100	
156	Sonde JJ các cỡ	Cái	800	
157	Ống cho ăn các số	Cái	8,000	
158	Ống thông tiểu các số	Cái	1,000	
159	Ống thống tiểu 2 nhánh các số	Cái	8,000	
160	Ống thống tiểu 3 nhánh các số	Cái	500	
161	Ống dẫn lưu màng phổi	Cái	500	
162	Ống nối dây máy thở Catheter mount 15F/22M (Ống nẫng)	Cái	10,000	
163	Ống thông màng bụng	Cái	500	
164	ống thông niệu quản	Cái	500	
165	Bàn chải mềm rửa tay phẫu thuật	Cái	100	
166	Bộ rửa dạ dày	Bộ	500	
167	Túi hậu môn nhân tạo	Cái	500	
168	Dây dẫn hướng 0,025" dài 4.500 mm, đầu thẳng	Cái	10	
169	Cannula đường mật loại V	Cái	10	
170	Dụng cụ bơm bóng	Cái	1	
171	Tay cầm tán sỏi có thể quay được	Cái	10	
172	Bộ tán sỏi cấp cứu gồm tay và vỏ sắt	Cái	10	
173	Bộ đẩy Stent 7Fr	Cái	10	
174	Bộ đẩy Stent 10 Fr	Cái	10	
175	Dẫn lưu đường mật Fr., dài 80mm, cong ở giữa	Cái	10	
176	Dẫn lưu đường mật 7Fr, dài 70mm, dạng đuôi heo	Cái	10	
177	Dây dẫn đường cứng dùng cho niệu	Cái	50	
178	Dây dẫn đường cứng đầu thẳng dài 150cm cỡ 0,035"	Cái	100	
179	Dây dẫn đường mềm dùng cho niệu	Cái	100	
180	Dây dẫn đường mềm phủ Hydrophilic, dài 150cm	Cái	200	
181	Guide wire Hydrophilic	Cái	500	
182	Rọ lấy sỏi niệu	Cái	200	
183	Rọ lấy sỏi loại cứng dùng nhiều lần	Cái	10	
184	Rọ tán sỏi loại V, xoay được	Cái	10	
185	Rọ lấy sỏi 3.0 Fr, 4 Wires, dài 90cm(stone basket) có adapter	Cái	100	
186	Ambubag giúp thở người lớn	Cái	100	
187	Ambubag giúp thở sơ sinh	Cái	40	
188	Bao camera nội soi	Cái	2,000	
189	Bao dây đốt	Cái	6,000	
190	Bao đo máu sau sinh đã tiệt trùng	Cái	600	
191	Bình hút dịch phẫu thuật các cỡ có nắp dẫn lưu	Bộ	60	
192	Bình chứa dịch - 1000ml	Cái	500	
193	Bình chứa dịch - 300ml	Cái	500	

194	Bình chứa dịch - 500ml	Cái	500	
195	Bình chứa dịch hút áp lực âm kci 300ml/500ml	Cái	500	
196	Bình đo áp lực âm 400 ml	Cái	500	
197	Bình hút dịch phẫu thuật 2000ml có nắp dẫn lưu	Bộ	500	
198	Bộ Foam Điều Trị Vết Thương Áp Lực Âm Các Cỡ	Bộ	500	
199	Bộ tiêm chích FAV M15	Bộ	500	
200	Giấy dầu	Cuộn	500	
201	Giấy điện tâm đồ 3 cần kích thước 63mm,x30m	Cuộn	1,000	
202	Giấy điện tim	Cuộn	1,000	
203	Giấy ghi điện tâm đồ 6 cần máy Nihon Koden FQW 110-2-140 giấy trắng không sọc. kích thước: 110mmx140mmx200 tờ	Cuộn	1,000	
204	Giấy in nhiệt siêu âm trắng đen	Cuộn	1,000	
205	Giấy y tế 25*40	Kg	1,000	
206	Ly giấy 220ml	cái	50,000	
207	Bộ Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 nòng (CVC)	Bộ	5,000	
208	Bộ hút đàm kín	Bộ	1,000	
209	Bơm hút điều kinh Karman	Bộ	200	
210	Can 5 lít	Cái	100	
211	Đè lưỡi gỗ tiệt trùng	Cái	100,000	
212	Hộp đựng vật sắc nhọn 1.5l	Hộp	2,000	
213	Khai mở khí quản có bóng 7.0	Cái	100	
214	Khai mở khí quản có bóng 7.5	Cái	100	
215	Khai mở khí quản có bóng 8.0	Cái	100	
216	Lam nhám 7105	Hộp	600	
217	Lam trơn 7102	Hộp	300	
218	Mask thanh quản	Cái	40	
219	Nút chặn kim luồn	Cái	10,000	
220	Ống eppendorf	Cái	10,000	
221	Ống thông chữ T	Cái	40	
222	Pipet paster nhựa 1ml	Cái	40,000	
223	Que gòn tiệt trùng từng ống	Cái	2,000	
224	Sonde dẫn lưu đường mật 10Fr	Cái	10	
225	Sonde dẫn lưu đường mật 12Fr	Cái	10	
226	Sonde dẫn lưu đường mật 8Fr	Cái	10	
227	Tạp dề 80 x 120	Cái	4,000	
228	Túi đựng bệnh phẩm nội soi	Túi	2,000	
229	Vòng đeo tay người lớn (màu hồng)	Cái	6,000	
230	Vòng đeo tay người lớn (màu xanh dương)	Cái	6,000	
231	Vòng đeo tay trẻ em (màu hồng)	Cái	2,000	
232	Vòng đeo tay trẻ em (màu xanh dương)	Cái	2,000	
233	Javel 10%	Lít	3,000	
234	Dung dịch rửa tay nhanh Clincare 500ml	Chai	500	

235	Cồn 70 độ	Lít	200	
236	Cồn 90 độ	Lít	200	
237	Cồn 96 độ	Lít	200	
238	Cồn tuyệt đối	Lít	200	
239	Dao mổ 10	Cái	1,000	
240	Dao mổ 11	Cái	1,000	
241	Dao mổ 15	Cái	1,000	
242	Dao mổ 20	Cái	1,000	
243	Dầu baby Johnson	Chai	500	
244	Dây máy châm cứu đuôi tròn	Sợi	500	
245	Dây máy châm cứu đuôi dẹt	Sợi	500	
246	Dây máy gây mê (loại co giãn)	Cái	3,000	
247	Dây máy thở dùng 1 lần	Dây	1,000	
248	Dây thở hai bẫy nước cho máy thở /máy gây mê	Bộ	3,000	
249	Dây cho ăn các số	Cái	5,000	
250	Dây hút đàm	Cái	5,000	
251	Dây hút dịch phẫu thuật tiệt trùng	Cái	4,000	
252	Miếng dán máy massage	Cặp	500	
253	Tê nha Lignospan Standard 2%	Cái	3,000	
254	Vôi soda	Can	200	
255	Sò đánh bóng(dâu/bạc hà)	Cái	1,000	
256	Sò đánh bóng(dâu/bạc hà)	Viên	400	
257	Vật liệu trám G.I Ketac Universal	Hộp	10	
258	Fuji9	Hộp	30	
259	Kim nha dài/ ngắn	Cây	500	
260	Kim nha(27Gc13/16", 0,40 x21mm)	Cây	3,000	
261	Mũi khoan các loại	Mũi	200	
262	Cây lèn	Cái	50	
263	Cây lèn	Mũi	10	
264	Cont đủ số	Hộp	150	
265	Cont đủ số	Hộp	150	
266	Cont giấy đủ số	Hộp	200	
267	Nước Eugenol	Chai	50	
268	Nước Eugenol	Lọ	30	
269	Nhiệt kế	Cây	50	
270	Bơm huyết áp kế	Cái	200	
271	Bao vải huyết áp kế	Cái	200	
272	Val huyết áp kế	Cái	200	
273	Túi hơi huyết áp kế	Cái	200	
274	Dây cáp nối dùng cho kim điện cơ	Sợi	10	
275	Kim điện cơ 26G dùng 1 lần loại bạc dài 40mm	Cây	500	
276	Gel dẫn truyền điện cơ	Lọ	50	

277	Gel tẩy da	Tube	100	
278	Gel siêu âm	Tube	500	
279	Gel tiệt trùng bôi trơn dụng cụ optilube	Tube	100	
280	Đầu thắt giãn tĩnh mạch thực quản, gồm 7 vòng thắt	Cái	50	
281	Bộ thắt giãn tĩnh mạch thực quản, gồm tay quay và 7 vòng thắt	Cái	10	
282	Clip cầm máu dùng trong nội soi	Cái	500	
283	Clip cầm máu, tay cầm lắp sẵn, xoay, loại đóng mở nhiều lần	Cái	10	
284	Dao cắt cơ vòng, loại V	Cái	3	
285	Dao cắt kim có phủ lớp cách điện	Cái	3	
286	Kìm sinh thiết dạ dày, có lỗ bên, dùng nhiều lần	Cái	3	
287	Kìm sinh thiết đại tràng có lỗ bên, dùng nhiều lần	Cái	3	
288	Kìm sinh thiết nóng, dùng nhiều lần	Cái	3	
289	Kìm sinh thiết có răng	Cái	150	
290	Tay cầm cho kìm sinh thiết nóng	Cái	3	
291	Kẹp cầm máu	Cái	5	
292	Tay cầm gắn kẹp cầm máu xoay được	Cái	5	
293	Dụng cụ thắt Polyp	Cái	5	
294	Tay cầm dụng cụ thắt Polyp	Cái	5	
295	Vòng thắt polyp, đường kính 30 mm	Cái	50	
296	Lọng cắt Polyp, hình oval	Cái	10	
297	Tay cầm cho lọng cắt polyp	Cái	20	
298	Kim chích cầm máu dạ dày, 23G/4mm	Cái	10	
299	Clip cầm máu dùng trong nội soi	Cái	1,000	
300	Clip Polymer kẹp mạch máu các cỡ			
301	Đầu gắng ống soi, mềm dạng vát	Cái	10	
302	Ngáng miệng nội soi loại mềm, có dây choàng	Cái	150	
303	Van sinh thiết	Cái	20	
304	Van khí/nước	Cái	10	
305	Van hút	Cái	10	
306	Kìm gắp dị vật, ngàm cá sấu, răng chuột	Cái	3	
307	Bóng kéo sỏi 3 kênh	Cái	10	
308	Bóng EZDilate loại(WG) 13.5-14.5-15.5	Cái	2	
309	Keo dán lam pha sẵn	Chai	108	
310	Lưỡi dao cắt tiêu bản	Cái	10,000	
311	Tấm phủ lam kính bằng thủy tinh 22x50	Hộp	60	
III	**Vật tư Kiểm soát nhiễm khuẩn**			
312	Chlorhexidine digluconate 4% (1,1 hexamethylenebis(5-(4-Chlorophenyl) -biguanide) digluconate 4%)	Chai	1,000	
313	6,5 % Didecyldimethyl ammonium chloride+0,074% chlorhexidine digluconate, chất hoạt động bề mặt	Chai	1,000	
314	Hỗn hợp 5 enzyme: protease, lipase, Amylase, Mannanase Cellulase+ chất hoạt động bề mặt	Can	1,000	

315	Dung dịch xông phòng dùng cho máy phun Aerosept 100 VF	Can	1,000	
316	Dung dịch diệt khuẩn nhanh bề mặt y tế chứa 50% kl/kl Didecyl dimethyl ammonium chloride hoặc tương đương	Chai	1,000	
317	ASI-KILLWASH Dung dịch rửa tay và tắm sát khuẩn 2% Chlorhexidine Digluconate	Chai	1,000	
318	Dung dịch khử khuẩn dụng cụ	Can	1,000	
319	Dung dịch khử khuẩn dụng cụ 14 ngày	Can	1,000	
320	Dung dịch khử khuẩn bề mặt dụng cụ đa Enzyme	Can	1,000	
321	Dung dịch khử khuẩn bề mặt dụng cụ	Can	1,000	
322	Hóa chất dùng cho máy hấp nhiệt độ thấp	Can	2,000	
323	Chất tiệt trùng Sterilizers (Hydrogen Peroxide-H2O2)	Cốc	5,000	
324	Túi ép dẹp 10 cm x 200 m	Cuộn	100	
325	Túi ép dẹp 15 cm x 200 m	Cuộn	150	
326	Túi ép dẹp 20 cm x 200 m	Cuộn	100	
327	Túi ép dẹp 25 cm x 200 m	Cuộn	50	
328	Túi ép dẹp 30 cm x 200 m	Cuộn	20	
329	Túi ép dẹp 35cm x 200m	Cuộn	20	
330	Túi ép phồng tiệt trùng 250x100	Cuộn	50	
331	Túi ép phồng 40cmx100cm	Cuộn	50	
332	Túi ép tiệt trùng Tyvek 100mm x 70m	Cuộn	20	
333	Túi ép tiệt trùng Tyvek 150mm x 70m	Cuộn	50	
334	Túi ép tiệt trùng Tyvek 250mm x 70m	Cuộn	50	
335	Túi ép tiệt trùng Tyvek 300mm x 70m	Cuộn	100	
336	Túi ép tiệt trùng Tyvek 350mm x 70m	Cuộn	100	
337	Test hóa học kiểm soát tiệt trùng bằng hơi nước 3 thông số	Test	50,000	
338	Băng keo chỉ thị nhiệt 19mm x 50m	Cuộn	1,000	
339	Chỉ thị sinh học	Ống	78	
340	Chỉ thị hóa học 2 thông số	Miếng	8,000	
341	Giấy thử (chỉ thị hóa học) dùng cho máy tiệt khuẩn dụng cụ y tế hydrogen peroxide	Miếng	5,500	
342	Khăn tắm khô Chlorhexidine digluconate	Cái	100	
IV	**Vật tư Thần kinh sọ não**			
343	Miếng vá khuyết sọ dynamic kích thước 90x90x0,6mm, cấu trúc 3D dạng chữ Y	Cái	5	
344	Miếng vá khuyết sọ dynamic kích thước 120x120x0,6mm, cấu trúc 3D dạng chữ Y	Cái	5	
345	Miếng vá khuyết sọ dynamic kích thước 150x150x0,6mm, cấu trúc 3D dạng chữ Y	Cái	10	
346	Miếng vá khuyết sọ dynamic kích thước 200x200x0,6mm, cấu trúc 3D dạng chữ Y	Cái	10	
347	Nẹp vá lỗ khoan sọ dạng tròn, đường kính 12,5 mm; 18.5 mm, độ dầy 0.6 mm	Cái	40	
348	Nẹp titan mini thẳng 16 lỗ, độ dầy 1.0 mm	Cái	30	
349	Vít titan 2.0 sọ não các cỡ; tự khoan, tự taro	Cái	300	
350	Bộ van dẫn lưu dịch não tủy ổ bụng VP Shunt áp lực Cao/ thấp/ trung bình BMI, kích thước van 6x26 mm	Cái	10	
351	Bộ Catheter dẫn lưu dịch não tủy từ não thất ra ngoài EVD - BMI	Cái	20	

352	Van dẫn lưu dịch não tủy VP Shunt loại Polaris - SPVA có thể điều chỉnh áp lực, có khóa chống ngoại lực thiết kế van dạng ball in cone, 5 mức áp lực, kết nối sẵn bình chứa , bơm dịch	Cái	5	
353	Van dẫn lưu dịch não tủy VP Shunt loại Sophy mini - SM8A, có thể điều chỉnh được áp lực, thiết kế van dạng Ball in cone, 8 mức áp lực, kết nối sẵn bình chứa , bơm dịch	Cái	5	
354	Vít titan mini 2.0x6/7/9/11/13mm	Cái	100	
V	**Vật tư tạo nhịp**			
355	Bộ máy tạo nhịp tim 2 buồng có đáp ứng tần số độ nhạy tự động, tương thích MRI	Bộ	15	
356	Bộ máy tạo nhịp 1 buồng có đáp ứng tần số độ nhạy tự động, tương thích MRI	Bộ	15	
357	Dây tạo nhịp tạm thời có bóng.	Bộ	50	
VI	**Vật tư Vật liệu cầm máu, kim khâu, chỉ khâu, dụng cụ phẫu thuật**			
358	Miếng cầm máu mũi	Miếng	1,000	
359	Sáp xương 2,5 gram	Miếng	500	
360	Vật liệu cầm máu 5x8 cm	Miếng	1,000	
361	Vật liệu cầm máu 7x6 cm	Gói	1,000	
362	Vật liệu cầm máu 7,5x23,5 cm	Gói	1,000	
363	Miếng Gelatin Cầm Máu Tự Tiêu Spongostan 5*7*1cm	Miếng	200	
364	Chỉ thép liền kim số 7, 60cm	Tép	12	
365	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi 4/0, 70 cm, kim tròn đầu tròn 22 mm, 1/2 C	Tép	180	
366	Chỉ Polygactin đa sợi- cỡ 3/0 dài 75 cm, kim hình thang dài 26mm	Tép	180	
367	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi 2/0, 75cm, 2 kim thẳng ST-75, 30 mm	Tép	180	
368	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene, 6/0, 75cm, 2 kim, kim tròn 13 mm	Tép	360	
369	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, số 2-0, 70cm, kim tròn 40mm	Tép	360	
370	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, số 0, 90cm, kim tròn 40mm	Tép	360	
371	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, số 1-0, 90cm, kim tròn 40mm	Tép	360	
372	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, số 3-0, 70cm, kim tròn 26 mm	Tép	360	
373	Chỉ tan chậm sinh học Chromic Catgut 4/0, 150cm(không kim)	Tép	2,400	
374	Chỉ Polyamid 6 số 6/0, chỉ dài 75cm, kim cắt tam giác ngược, 1/2 đường tròn chiều dài kim 13mm	Tép	720	
375	Chỉ Polyamid 6 số 5/0, chỉ dài 75cm, kim cắt tam giác ngược, 3/8 đường tròn chiều dài kim 16mm	Tép	960	
376	Chỉ Polyamid 6 số 4/0, chỉ dài 75cm, kim cắt tam giác ngược, 3/8 đường tròn chiều dài kim 19mm	Tép	2,400	
377	Chỉ Polyamid 6 số 3/0, chỉ dài 75cm, kim cắt tam giác ngược, 3/8 đường tròn chiều dài kim 24mm	Tép	2,400	
378	Chỉ không tiêu sinh học số 2/0, chỉ dài 75cm, kim tròn 1/2 vòng tròn, chiều dài kim 26mm	Tép	1,200	
379	Chỉ không tiêu sinh học số 3/0, chỉ dài 75cm, kim tròn 1/2 vòng tròn, chiều dài kim 26mm	Tép	1,200	
380	Black Silk 2 (3/0) 75cm 1/2 HR26 (kim (kim tròn)	Cái	1,500	
381	Black Silk 2 (3/0) 75cm 1/2 HS26 (kim tam giác)	Cái	1,000	

382	Black Silk 2(3/0) 75cm 1/2HR26	Cái	500	
383	Black Silk 3 (2/0) 75cm 1/2 HR26 (kim tròn)	Cái	500	
384	Black Silk 3 (2/0) 75cm 1/2HR26	Cái	500	
385	Black Silk 3 (2/0) 75cm 3/8 DS26 (kim tam giác)	Cái	500	
386	Black Silk 3 (2/0) 75cm 3/8DS26	Cái	250	
387	Chỉ Carelon (Nylon) 2/0, kim tam giác 26 mm	Cái	2,500	
388	Chỉ Carelon (Nylon) 3/0, kim tam giác 26 mm	Cái	2,500	
389	Chỉ Carelon (Nylon) 4/0, kim tam giác 18 mm	Cái	2,500	
390	Chỉ Carelon (Nylon) 6/0, kim tam giác 13 mm	Cái	500	
391	Chỉ Carelon (Nylon) số 2/0, kim tam giác, dài 26 mm	Cái	1,500	
392	Chỉ Carelon (Nylon) số 3/0, kim tam giác, dài 26 mm	Cái	3,500	
393	Chỉ Carelon (Nylon) số 4/0, kim tam giác, dài 18 mm	Cái	2,000	
394	Chỉ Carelon (Nylon) số 5/0, kim tam giác, dài 16 mm	Cái	500	
395	CHỈ CARESILK (SILK) SỐ 2/0 KIM TAM GIÁC 26MM	Cái	500	
396	Chỉ Caresilk (Silk) 2/0, không kim, 12 sợi x 75 cm	Cái	800	
397	Chỉ Caresilk (Silk) 2/0, kim tam giác 26mm	Cái	500	
398	Chỉ Caresilk (Silk) 2/0, kim tròn 26mm	Cái	500	
399	Chỉ Caresilk (Silk) 3/0, không kim, 12 sợi x 75 cm	Cái	500	
400	Chỉ Caresilk (Silk) 3/0, kim tam giác 26mm	Cái	500	
401	Chỉ Caresilk (Silk) 3/0, kim tròn 26 mm	Cái	800	
402	Chỉ Caresilk (Silk) số 2/0, không kim, 12 sợi x 75 cm	Cái	250	
403	Chỉ Trustigut (C) (Chromic Catgut) 3/0, kim tròn 26mm	Cái	500	
404	Chỉ Trustigut (C) (Chromic Catgut) số 0, kim tròn 26 mm	Cái	500	
405	Chỉ Trustigut (C) (Chromic Catgut) số 0, kim tròn 36 mm	Cái	700	
406	Chỉ Trustigut (C) (Chromic Catgut) số 2/0, kim tròn, dài 26 mm	Cái	500	
407	Chỉ Trustigut (C) (Chromic Catgut) số 2/0, kim tròn, dài 36 mm	Cái	2,500	
408	Chỉ Trustigut (C) (Chromic Catgut) số 3/0, kim tròn, dài 26 mm	Cái	500	
409	Chỉ Trustigut (Chromic Catgut) Số 5/0 Kim Tròn, Dài 17 Mm	Cái	100	
410	Chỉ Trustilene (Polypropylene) số 0, kim tròn 30 mm	Cái	500	
411	Chỉ Trustilene (Polypropylene) 2/0, dài 90 cm, 2 kim tròn 26mm	Cái	500	
412	Chromic Catgut 3.5(2/0) 75cm 1/2HR36	Cái	1,500	
413	Chromic Catgut 4(0) 75cm 1/2HR36	Cái	500	
414	Tấm lưới Polypropylen 5x10 cm	Miếng	200	
415	Lưới điều trị thoát vị Polypropylene SP, 5x 10 cm, 97g/m^2	Miếng	200	
416	Lưới điều trị thoát vị Polypropylene SP, 6 x 11 cm, 97g/m^2	Miếng	500	
417	Lưới điều trị thoát vị Polypropylene CP, 10 x 15 cm, 47g/m^2	Miếng	200	
418	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng mổ hở 55mm hoặc tương đương	Cái	50	
419	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng mổ hở 75mm hoặc tương đương	Cái	50	
420	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gập góc Echelon Flex 60	Cái	6	
421	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi sử dụng pin đa năng Power Echelon GST System 60	Cái	6	
422	Dụng cụ khâu cắt nối vòng đầu cong	Cái	16	

423	Dụng Cụ Khâu Cắt Đầu Cong Contour Proximate	Cái	3	
424	Dụng cụ phẫu thuật trĩ bằng phương pháp Longo	Cái	200	
425	Dụng cụ khâu nối ruột	Cái	20	
426	Dụng cụ nội soi đa năng	Cái	5	
427	Băng đạn cho mổ hở dài 55mm phù hợp cho dụng cụ khâu cắt	Cái	50	
428	Băng đạn cho mổ hở dài 75mm phù hợp cho dụng cụ khâu cắt	Cái	50	
429	Băng đạn dụng cụ cắt nội soi đa năng	Cái	5	
430	Băng đạn dụng cụ cắt nối nội soi đa năng	Cái	20	
431	Băng đạn của dụng cụ khâu cắt nối thẳng 55mm	Cái	20	
432	Băng đạn của dụng cụ khâu cắt nối thẳng 75mm	Cái	80	
433	Băng ghim cho dụng cụ khâu cắt nối thẳng mổ mở	Cái	6	
434	Băng ghim cho dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi	Cái	24	
435	Băng đạn cho dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi (45-60mm)	Cái	54	
436	Dao siêu âm harmonic focus, dài 9cm, dùng trong mổ hở mổ bứu cổ	Cái	12	
437	Dao siêu âm harmonic focus, dài 17cm, dùng trong mổ hở kết hợp với dây dao	Cái	12	
438	Dao siêu âm harmonic ACE, 5mm, dài 23cm, dùng trong mổ mở kết hợp với dây dao	Cái	20	
439	Dao siêu âm harmonic ACE, đường kính 5mm, lưỡi cong, dài 36cm, dùng trong phẫu thuật nội soi	Cái	60	
440	Dao siêu âm Harmonic nội soi 36cm	Cái	10	
441	Dao siêu âm Harmonic mổ hở 20cm	Cái	6	
442	Dây dao Harmonic HP054	Cái	3	
443	Dây dao Harmonic màu xanh HPBLUE	cái	3	
444	Dao lưỡng cực lưỡi cong 3mm, đường kính 5mm, dài 14cm/ 25cm/35cm	Cái	6	
445	Dạo lưỡng cực lưỡi cong 3mm, đường kính 5mm, dài 35cm/ gập góc 55^0	Cái	6	
446	Dây dao dùng cho dao siêu âm mổ hở	Cái	1	
447	Dây dao siêu âm nội soi	Cái	1	
448	Clip kẹp mạch máu Polymer các cỡ	Cái	1,000	
449	Clip mạch máu cỡ nhỏ	Cái	120	
450	Clip mạch máu cỡ trung bình	Cái	120	
451	Clip mạch máu cỡ trung bình	Cái	60	
452	Clip mạch máu cỡ lớn	Cái	60	
453	Clip kẹp mạch máu cỡ 300, 400	Cái	50	
454	Kềm kẹp clip mạch máu, 10mm, dùng trong phẫu thuật nội soi kẹp clip cỡ lớn và trung bình lớn	Cái	10	
455	Kìm kẹp clip đơn cỡ nhỏ mổ mở	Cái	10	
456	Kìm kẹp clip đơn cỡ trung bình mổ mở	Cái	10	
457	Dụng cụ hỗ trợ khâu mũi túi	Cái	10	
458	Kéo mổ nội soi cong 5mm	Cái	6	
VII	**Vật tư Thận nhân tạo và Dung dịch thẩm phân màng phúc mạc**			
459	Bộ kim AVF 16G, 17G	Kim	50,000	
460	Bộ dây lọc thận	Bộ	50,000	

461	Kim chạy thận nhân tạo AVF NEEDLE 16G x 1"	Cái	10,000	
462	Bộ catheter chạy thận nhân tạo 2 nhánh thẳng, cong cỡ 12Fr/14Fr/ dài 15-20 cm	Bộ	1,000	
463	Bộ dây dẫn dịch thay thế trong chạy thận nhân tạo HDF-O	Bộ	600	
464	Bộ dây chạy thận nhân tạo	Bộ	600	
465	Dung dịch rửa màng lọc (5kg/can)	Can 5 kg	10	
466	Miếng thử hóa chất dùng trong chạy thận	Hộp	2	
467	Catheter 2 nòng HF 12/15 cho thận nhân tạo	Cái	20	
468	Catheter thận đầu laser cut, lỗ lọc side slot, tự flush theo áp lực dòng chảy, 350ml/phút, 11.5Fr, dài 16cm/19.5cm	Cái	10	
469	Catheter thận có cuf, đầu staggered tip, 380ml/phut, 13.5 Fr, dài 36cm/40cm/45cm	Cái	10	
470	Dung dịch thẩm phân màng bụng 1,5% Dextrose x 5 L	Túi	50	
471	Dung dịch thẩm phân màng bụng 2,5% Dextrose x 5L	Túi	50	
472	Đầu nối cho ống thông lọc màng bụng	Cái	30	
473	Catheter(Ống thông) lọc màng bụng đầu cong dài 63cm	Cái	30	
474	Catheter(Ống thông) lọc màng bụng đầu cong dài 31cm	Cái	30	
475	Bộ chuyển tiếp (Transfer set)	Cái	500	
476	Kẹp xanh	Cái	360	
477	Kẹp Catheter	Cái	360	
478	Nắp đóng bộ chuyển tiếp	Cái	10,000	
479	Bộ kết nối (cassette) máy thẩm phân phúc mạc tự dộng (homechoice) người lớn	Cái	200	
480	Bộ kết nối (cassette) máy thẩm phân phúc mạc tự động (homechoic) trẻ em	Cái	100	
481	Túi đựng dịch xả	Cái	100	
482	Dung dịch rửa màng lọc (5kg/can)	Cái	200	
483	Miếng thử hóa chất dùng trong chạy thận	Cái	20	
484	Bộ chuyển tiếp (Minicap Extended Life PD Transfer Set with Twist Clamp)	Cái	100	
485	Bộ catheter lọc máu dài hạn có van khóa khí tự động Glidepath, đầu catheter thiết kế xoắn Z-tip	Cái	50	
486	Bộ dây chạy thận nhân tạo Blood tubing set NS-2060-18	Cái	2,000	
487	Bộ dây chạy thận nhân tạo Blood tubing set NS-2060-18SUB	Cái	2,000	
488	Dung dịch rửa, khử trùng quả lọc	Cái	2,000	
489	Keo dán da độ nhớt cao thành phần 2-Octyl Cyanoacrylate	Ống	5	
490	Keo dán da thành phần N-butyl-2-cyano acrylat	Ống	5	
491	Bơm tiêm truyền áp lực tự động Folfusor 2.5	Bộ	20	
492	Bơm tiêm truyền áp lực tự động Infusor 5 ml/h	Bộ	20	
493	Que test Clo nước RO	Que	200	
VIII	**Vật tư quả lọc hấp phụ và quả lọc máu thận nhân tạo**			
494	Quả hấp phụ máu HA130	Quả	500	
495	Quả hấp thụ máu HA230	Quả	500	
496	Quả hấp phụ máu HA330	Quả	500	
497	Quả hấp phụ máu HA280	Quả	500	
498	Quả hấp thụ HA330-II	Quả	500	
499	Quả lọc thận 1,5m^2 sợi polynephron	Quả	2,000	

500	Quả lọc thận diện tích 1,7 m^2, loại Middleflux 17 hoặc tương đương	Cái	2,000	
501	Quả lọc thận nhân tạo middleflux F7HPS với 02 nắp đậy màng lọc chất liệu Polysulfone, diện tích màng 1,6 m2, hệ số siêu lọc 16ml/giờ xmmHg tiệt trùng bằng hơi nước	Quả	50,000	
502	Quả lọc Helixone FX Cordiac 80 kèm theo 2 nắp đậy màng lọc	Quả	10,000	
503	Bộ quả lọc máu liên tục có gắn Heparin Oxiris	Quả	1,000	
504	Bộ quả lọc máu liên tục Prismaflex M100	Quả	1,000	
505	Bộ quả lọc trao đổi huyết tương Prismaflex TPE 2000	Quả	500	
IX	**Vật tư xét nghiệm**			
506	Lọ nhựa đựng mẫu PS 55ml nắp đỏ, có nhãn	Lọ	20,000	
507	Lọ nhựa đựng mẫu tiệt trùng PS 50ml nắp đỏ, có nhãn	Lọ	10,000	
508	Lọ nhựa đựng phân có chất bảo quản 50ml nắp vàng, có nhãn	Lọ	2,000	
509	Ống nghiệm Chimigly 2ml nắp xám, mous thấp	Ống	70,000	
510	Ống nghiệm Citrate 3,8%, 2ml nắp xanh lá, mous thấp	Ống	80,000	
511	Ống nghiệm EDTA K2 2ml nắp cao su xanh dương, mous thấp	Ống	100,000	
512	Ống nghiệm Heparin lithium 2ml nắp đen, mous thấp	Ống	300,000	
513	Ống nghiệm lưu mẫu huyết thanh 1.5 ml nắp trắng	Ống	13,000	
514	Ống nghiệm nhựa PS 5ml nắp trắng, có nhãn	Ống	2,600	
515	Ống nghiệm serum hạt to nắp đỏ	Ống	100,000	
516	Lọ đựng Pap Smear	Lọ	2,000	
517	Lọ lấy sinh phẩm NXD	Lọ	15,000	
518	Lọ nhựa 55ml đựng mẫu phân có chất bảo quản	Lọ	5,000	
519	Ống eppendorf	Ống	20,000	
520	Ống nghiệm 10ml PS trắng trong có nắp	Ống	100,000	
521	Lọ đựng mẫu PS tiệt trùng có nắp đỏ có nhãn	Lọ	4,000	
522	Ống nghiệm 10ml PS trắng trong có nắp	Ống	20,000	
523	Ống nghiệm PS 5ml nắp trắng có nhãn	Ống	20,000	
X	**Vật tư Các loại khớp háng xi măng và không xi măng**			
524	Khớp gối toàn phần có lớp phủ Zirconium nitride, gập gối tối đa 160 độ	Bộ	10	
525	Khớp háng bán phần không xi măng 12/14 chuôi phủ CaP	Bộ	200	
526	Khớp háng bán phần không xi măng, chuôi phủ μ -CaP, có cánh và rãnh chống xoay	Bộ	100	
527	Khớp háng bán phần tự định vị tâm xoay có xi măng Sana CBI Chuôi dài	Bộ	100	
528	Khớp háng bán phần tự định vị tâm xoay không xi măng Sana HBI	Bộ	100	
529	Khớp háng bán phần tự định vị tâm xoay không xi măng Sana HBI chuôi dài	Bộ	100	
530	Khớp háng toàn phần không xi măng 12/14 chuôi phủ CaP	Bộ	200	
531	Khớp háng toàn phần chuyển động kép có 1 quai bắt vít đường kính ổ cối 41-55	Bộ	20	
532	Khớp háng toàn phần chuyển động kép có 2 quai bắt vít đường kính ổ cối 41-55	Bộ	20	
XI	**Vật tư Dụng cụ tái tạo dây chằng chéo**			
533	Dây dẫn nước trong nội soi	Cái	100	
534	Lưỡi bào nội soi khớp	Cái	50	
535	Lưỡi cắt đốt bằng sóng Radio các cỡ	Cái	50	
536	Vít tự tiêu cố định dây chằng chéo	Cái	50	

537	Vít neo cố định dây chằng	Cái	50	
538	Vít chốt neo điều chỉnh chiều dài các cỡ	Cái	30	
539	Chỉ đặc biệt siêu bền	Cái	30	
540	Kim chọc dò bơm xi măng vào thân đốt sống cỡ 11G, 13G, dài 125mm	Cái	15	
541	Bộ trộn và phân phối xi măng đóng gói tiệt trùng sẵn	Bộ	7	
542	Xi măng hóa học tạo hình thân đốt sống	Lọ	1	
XII	**Vật tư Đinh, Nẹp và Vít thông thường**			
543	Đinh chốt titan cẳng chân các cỡ	Tép	120	
544	Đinh chốt titan đùi các cỡ	Gói	90	
545	Nẹp khóa cẳng chân các cỡ	Gói	20	
546	Nẹp khóa cẳng tay các cỡ	Cái	140	
547	Nẹp khóa cánh tay các cỡ	Cây	70	
548	Nẹp khóa chữ I các cỡ	Cây	80	
549	Nẹp khóa đa hướng khớp cùng đòn (trái, phải) các cỡ	Cái	80	
550	Nẹp khóa đầu dưới mâm chày (trái, phải) các cỡ	Cái	70	
551	Nẹp khóa đầu dưới xương mác các cỡ	Cái	100	
552	Nẹp khóa đầu dưới xương quay (trái, phải) các cỡ	Cái	150	
553	Nẹp khoá đầu trên mâm chày (trái, phải) các cỡ	Cái	70	
554	Nẹp khoá đầu trên xương cánh tay các cỡ	Cái	70	
555	Nẹp khoá DHS các cỡ	Cái	20	
556	Nẹp khóa đùi các cỡ	Cái	25	
557	Nẹp khóa đùi đầu rắn các cỡ	Cái	2	
558	Nẹp khóa lồi cầu ngoài cánh tay (trái, phải) các cỡ	Cái	15	
559	Nẹp khóa lồi cầu trong cánh tay (trái, phải) các cỡ	Cái	15	
560	Nẹp khóa mắc xích các cỡ	Cái	60	
561	Nẹp khóa mỏm khuỷu (trái, phải) các cỡ	Cái	10	
562	Nẹp khoá ốp lồi cầu đùi (trái, phải) các cỡ	Cái	30	
563	Nẹp khóa xương đòn S (trái, phải) các cỡ	Cái	250	
564	Nẹp bất động đùi	Cái	5	
565	NẸP bất động cẳng chân	Cái	5	
566	Vít khóa 2.0 các cỡ	Cái	300	
567	Vít khóa 2.7 các cỡ	Cái	1,500	
568	Vít khoá 4.0 các cỡ	Cái	2,500	
569	Vít khóa 5.0 các cỡ	Cái	800	
570	Vít khóa 7.3 các cỡ	Cái	20	
571	Vít rỗng titan 3.0 các cỡ	Cái	20	
572	Vít vỏ 2.7 các cỡ	Cái	250	
573	Vít vỏ 4.0 các cỡ	Cái	500	
574	Vít vỏ 5.0 các cỡ	Cái	50	
575	Vít xốp rỗng 4.5 các cỡ	Cái	80	
576	Vít xốp rỗng 7.3 các cỡ	Cái	20	
577	Đinh Kirschner 1.2	Cái	100	

578	Đinh Kirschner 1.6	Cái	150	
579	Đinh Kirschner 2.0	Cái	200	
580	Đinh Kirschner 2.5	Cái	200	
581	Đinh Kirschner có răng 1.2	Cái	100	
582	Đinh Kirschner có răng 0.8	Cái	100	
XIII	**Vật tư Nẹp và vít dùng cho phẫu thuật cổ xương đùi**			
583	Đĩa đệm cột sống cổ bằng vật liệu Peek loại FIDJI	Cái	10	
584	Đĩa đệm cốt sống cổ có xương ghép chất liệu PEEK	Cái	15	
585	Đĩa đệm cột sống lưng có xương ghép sẵn bên trong, lối bên	Cái	5	
586	Đĩa đệm cột sống lưng thắt lưng bằng vật liệu Peek, loại FIDJI các cỡ	Cái	10	
587	Nẹp dọc cột sống cổ đường kính 3.3 mm dài 50mm	Cái	5	
588	Nẹp dọc cột sống lưng dài 400mm, đường kính 6mm	Cái	1	
589	Nẹp dọc cột sống đường kính 6.0 mm, chiều dài 50mm	Cái	2	
590	Nẹp dọc cột sống lưng uốn sẵn, đường kính 5,4mm	Cái	2	
591	Nẹp dọc cột sống lưng uốn sẵn, đường kính 5.4 mm, dài 550mm, đóng gói tiệt trùng sẵn	Cái	5	
592	Nẹp dọc uốn sẵn đường kính 5.5, dài 40->90mm	Cái	5	
593	Nẹp gắn liền đĩa đệm cột sống cổ	Cái	5	
594	Nẹp ngang cột sống cổ	Cái	1	
595	Nẹp ngang cột sống lưng tương thích với vít đơn trục, cít đa trục có 2 đầu: bén+ tù	Cái	2	
596	Nẹp nối ngang cột sống lưng đóng gói tiệt trùng sẵn	Cái	5	
597	Vít cột sống cổ	Cái	10	
598	Vít đa trục dùng trong phẫu thuật bắt vít qua da các cỡ	Cái	10	
599	Vít đa trục cột sống cổ các cỡ	Cái	40	
600	Vít đa trục cột sống lưng bằng titanium các cỡ	Cái	15	
601	Vít đa trục cột sống lưng nắn trượt các cỡ đóng gói tiệt trùng sẵn	Cái	15	
602	Vít đơn trục cột sống lưng bằng titanium các cỡ	Cái	5	
603	Vít khóa trong dùng trong phẫu thuật bắt vít qua da	Cái	10	
604	Vít khóa trong cột sống cổ	Cái	40	
605	Vít khóa trong cột sống lưng	Cái	20	
606	Vít khóa trong cuộc sống lưng đóng gói tiệt trùng sẵn	Cái	25	
607	Vít đa trục cột sống lưng, đk 4 > 7mm, dài 25 - 90mm, đóng gói tiệt trùng	Cái	10	
XIV	**Vật tư chuẩn đoán hình ảnh: Tương thích với máy X-Quang**			
608	Phim X-quang 20 x 25cm tương thích máy in Agfa	Hộp	100,000	
609	Phim X-quang 25 x 30cm tương thích máy in Agfa	Hộp	100,000	
610	Phim X-quang 35 x 43cm tương thích máy in Agfa	Hộp	120,000	
611	Phim X-quang nhũ ảnh 20 x 25cm tương thích máy in Agfa	Hộp	2,000	
612	Phim X-quang nhũ ảnh 25 x 30 cm tương thích máy in Agfa	Hộp	2,000	
613	Phim khô Laser Konica 35 x 43 cm (Tương thích với máy MRI)	Hộp	100	
XV	**Vật tư theo máy xquang**			
614	Dây nối bơm tiêm cản quang 152 cm	Cái	10,000	
615	Bơm tiêm thuốc cản quang 200ml	Cái	5,000	

616	Bơm tiêm thuốc cản quang 100ml	Cái	2,000	
617	Dây nối bơm tiêm chữ Y dài 150 cm	Cái	2,000	
618	Dây nối bơm cản từ	Cái	2,000	
619	Dây nối bơm tiêm cản quang 152 cm	Cái	10,000	
620	Bơm tiêm thuốc cản quang 200ml	Cái	1,000	
621	Dây nối bơm cản từ	Cái	1,000	
XVI	**Vật tư khoa mắt**			
622	Chất nhầy thủy tinh thể cứng	Cái	2,500	
623	Chất nhầy thủy tinh thể mềm	Cái	2,500	
624	Chất nhầy OCU+, dạng chuỗi, dùng trong phẫu thuật phaco	Cái	2,500	
625	Dao phẫu thuật 15 độ	Cái	200	
626	Dao phẫu thuật mắt 2.8mm đến 3.2 mm	Cái	200	
627	Thủy tinh thể nhân tạo Primus HD Yellow	Cái	200	
628	Kính thủy tinh thể nhân tạo mềm Nanoflex	Cái	200	
629	Thủy tinh thể nhân tạo mềm Artis PL M	Cái	500	
630	Thủy tinh thể nhân tạo mềm Artis PL E	Cái	2,500	
631	Mực nhuộm bao dùng trong phẫu thuật mắt	Lọ	1,000	
632	Bộ dây tưới tút tiệt trùng (Easysys cassette) dùng cho máy phaco Optikon	Cái	500	
633	Đầu bọc silion dùng cho đầu tip phaco Optikon	Cái	100	
634	Đầu tip rửa hút (các cỡ) dùng cho máy phaco Optikon	Cái	100	
635	Đầu tip phaco các cỡ dùng cho máy phaco optikon	Cái	100	
636	Tay cầm tưới hút loại dài dùng cho máy phaco optikon	Cái	100	
XVII	**Vật tư dùng cho phẫu thuật kết hợp xương hiện đại**			
637	Bộ nong thân đốt sống, áp lực 400psi, tương thích xi măng sinh học tạo hình thân sống, có kháng sinh	Cái	40	
638	Bộ dụng cụ đưa xi măng vào thân đốt sống, đường kính 3mm, tương thích xi măng sinh học tạo hình thân sống, có kháng sinh	Cái	80	
639	Bộ trộn và phân phối xi măng sinh học có độ quánh cao có kháng sinh, có cản quang	Cái	40	
640	Bộ kim và mũi khoan đốt sống	Cái	40	
641	Bơm áp lực đẩy xi măng dùng kèm xi măng sinh học tạo hình thân sống có độ quánh cao có kháng sinh, có cản quang	Cái	40	
642	Kim chọc dò cuống sống 11G	Cái	40	
643	Kim chọc dò cuống sống cột sống lưng	Cái	40	
644	Xi măng sinh học kèm dung dịch pha HV-R	Cái	40	
645	Nẹp dọc thẳng cột sống ngực lưng các cỡ	Cái	40	
646	Vít đa trục cánh ren ngược các cỡ	Cái	150	
647	Vít khóa trong tự ngắt, tự đo lực, cánh ren ngược dùng cho vít đa trục, cánh ren ngược	Cái	60	